

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY
VIỆT NAM**

Số: ~~117~~/QĐ-TĐDMVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam;

Căn cứ Tờ trình số 563/TTr-TĐDMVN ngày 30/9/2025 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Tập đoàn Dệt May Việt Nam;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 11/BB-TĐDMVN ngày 22/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Quy chế này thay thế cho Quy chế công bố thông tin của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 387/QĐ-TĐDMVN ngày 30/12/2017 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên HĐQT, Cơ quan điều hành, Trưởng các ban chức năng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban KS;
- Lưu: VT, VP. HĐQT.



Lê Tiến Trường

QUY CHẾ

Về công bố thông tin của Tập đoàn Dệt May Việt Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~177~~/QĐ-TĐDMVN
ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam)

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 2. “SGDCK” là Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam có cổ phiếu đăng ký giao dịch (Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội).
- 3. Tập đoàn Dệt May Việt Nam (viết tắt là “Tập đoàn”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100008 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2010, thay đổi lần thứ 9 ngày 17/09/2025.
- 4. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông.
- 5. “HĐQT” là Hội đồng quản trị.
- 6. “Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin” bao gồm:
 - a) Người nội bộ của Tập đoàn và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tập đoàn;
 - c) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn;
 - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tập đoàn.

7. “*Người nội bộ*” của Tập đoàn là:

- a) Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT;
- b) Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc;
- c) Phó Tổng Giám đốc;
- d) Chức danh quản lý tương đương khác do ĐHCĐ/HĐQT bổ nhiệm;
- đ) Kế toán trưởng;
- e) Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát;
- g) Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty;
- h) Người được ủy quyền công bố thông tin.

8. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.

9. “*Ngày công bố thông tin*” là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

11. “*Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

12. “*Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán*” là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK hoặc ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Ngôn ngữ công bố thông tin là tiếng Việt, đồng thời thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Anh theo lộ trình sau:

- a) Công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025;

b) Công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2026.

Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Thời gian lưu giữ thông tin đã báo cáo hoặc công bố như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn tối thiểu 05 năm.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tập đoàn chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì các thành viên còn lại của Cơ quan điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

3. Tập đoàn phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin

1. Đại diện cho Tập đoàn trong công tác công bố thông tin.

2. Yêu cầu các Ban chức năng và các bộ phận có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn.

3. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng Quản trị về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung các Điều, Khoản trong Quy chế này.

4. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Tập đoàn.

5. Chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và pháp luật về các thông tin công bố.

Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử (Website) của Tập đoàn;
- b) Hệ thống công bố thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK;
- c) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác (báo in, báo điện tử...).

2. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật thì thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

3. Trang thông tin điện tử của Tập đoàn phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin và có các nội dung về ngành nghề kinh doanh, có chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải có Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của Quy chế này. Tập đoàn phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ trang thông tin điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử.

4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

Việc tạm hoãn công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (viết tắt là Thông tư 96/2020/TT-BTC).

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TẬP ĐOÀN

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính (bao gồm báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất). Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

- a) Báo cáo tài chính năm.

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Báo cáo tài chính bán niên.

Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét phải được công bố trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

c) Báo cáo tài chính quý.

Báo cáo tài chính quý phải được công bố trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

d) Tại thời điểm công bố thông tin báo cáo tài chính, Tập đoàn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét không chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính (năm, bán niên) hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố.

2. Báo cáo thường niên.

Báo cáo thường niên được lập theo mẫu quy định Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn.

Định kỳ 06 tháng và năm, Tập đoàn phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

a) Tập đoàn công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn phải công bố các thông tin liên quan đến việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo

ng nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Các thông tin bất thường (nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có) được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Tập đoàn tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tập đoàn có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tập đoàn phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tập đoàn hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tập đoàn, con dấu của Tập đoàn; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn;

¹ Công bố theo mẫu quy định tại Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong Tập đoàn dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tập đoàn;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết². Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Tập đoàn phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu: tính từ thời điểm Tập đoàn báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Tập đoàn mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ: tính từ thời điểm Tập đoàn báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Tập đoàn mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tập đoàn hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông: Tập đoàn công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Tập đoàn thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ trong đó nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tập đoàn căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tập đoàn, người nội bộ của Tập đoàn; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tập đoàn;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tập đoàn; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Tập đoàn nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

² Công bố theo mẫu quy định tại Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con.

q) Trường hợp Tập đoàn nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Tập đoàn, Tập đoàn phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tập đoàn;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

u) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tập đoàn tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét;

v) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản: tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Tập đoàn không quy định thời hạn khác dài hơn, Tập đoàn phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3) Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 8 và điểm a khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Tập đoàn phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Tập đoàn niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Tập đoàn ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu cần phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tập đoàn về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Hoạt động chào bán, phát hành thêm cổ phiếu, niêm yết chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn: thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật pháp luật hiện hành.

2. Giao dịch chào mua công khai: thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Tập đoàn phải công bố thông tin về các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn

1. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn, phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Tập đoàn, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Tập đoàn mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Tập đoàn phát hành thêm cổ phiếu.

3. Tập đoàn công bố trên trang thông tin điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Tập đoàn và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và Tập đoàn khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK, cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch;

b) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có);

d) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

2. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tập đoàn hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn thực hiện giao dịch chứng khoán của Tập đoàn phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Tập đoàn sẽ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14. Quy trình công bố thông tin

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

Bước	Quy trình	Bộ phận thực hiện
1	Gửi thông tin	Các bộ phận, đơn vị trực thuộc Tập đoàn, nhà đầu tư (gọi tắt là đầu mối cung cấp tài liệu)
2	Xử lý thông tin	Bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin
3	Phê duyệt việc CBTT	Người thực hiện công bố thông tin
4	Đăng tải thông tin công bố	Bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin
5	Kiểm tra và xử lý thông tin phản hồi (nếu có)	Bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin, Người thực hiện công bố thông tin và đầu mối cung cấp tài liệu liên quan
6	Lưu trữ	Văn thư + Bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin

2. Diễn giải

Bước 1: Gửi thông tin.

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các bộ phận, đơn vị trực thuộc Tập đoàn hoặc nhà đầu tư cần tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin của Tập đoàn:

- Thời hạn gửi:
 - + Đối với CBTT định kỳ: chậm nhất **1 ngày** làm việc trước thời hạn phải công bố.
 - + Đối với CBTT bất thường: trong vòng **12h** kể từ khi xảy ra sự kiện.
- Tài liệu công bố thông tin phải có định dạng sau:
 - + Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;
 - + File dữ liệu điện tử:
 - File có định dạng doc/docx/xls/xlsx (sử dụng bảng mã Unicode) phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

- File có định dạng PDF (sử dụng bảng mã Unicode) phải từ văn bản gốc có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Xử lý thông tin.

Khi nhận được thông tin, bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin tiến hành kiểm tra nội dung các thông tin, đối chiếu với các quy định theo Quy chế này và pháp luật hiện hành. Trường hợp tài liệu được cung cấp chưa đúng hoặc chưa đầy đủ theo Quy chế này và của pháp luật, bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin yêu cầu đầu mối cung cấp tài liệu điều chỉnh, bổ sung thông tin cho phù hợp trong thời hạn công bố thông tin theo quy định rồi báo cáo về thông tin cần được công bố đến Người thực hiện công bố thông tin.

Thời gian tiếp nhận và xử lý thông tin cần được đảm bảo kịp thời với từng loại thông tin cần công bố theo quy định trước khi trình người thực hiện công bố thông tin.

Bước 3: Phê duyệt việc công bố thông tin.

Người thực hiện công bố thông tin phê duyệt các thông tin cần công bố đối với các thông tin cần phải phê duyệt. Người thực hiện công bố thông tin phải phê duyệt thông tin trong thời hạn phù hợp với quy định của Quy chế này và pháp luật, nhưng tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được thông tin, trừ trường hợp thông tin phải công bố 24 giờ theo quy định của pháp luật.

Bước 4: Thực hiện đăng tải thông tin công bố.

Bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin thực hiện đăng tải thông tin kèm dữ liệu điện tử lên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, hệ thống CBTT điện tử của UBCKNN, SGDCK.

Bước 5: Kiểm tra và nhận phản hồi về thông tin đã công bố.

- Bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Người thực hiện công bố thông tin.

- Trường hợp bên nhận thông tin do Tập đoàn công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đầu mối cung cấp tài liệu có liên quan để xử lý, báo cáo Người thực hiện công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin (nếu cần thiết).

Bước 6: Lưu trữ.

Thông tin sau khi đã thực hiện công bố sẽ do Văn phòng lưu trữ bằng văn bản và Bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin lưu trữ file dữ liệu điện tử. Thời hạn lưu trữ theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy chế này.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc Tập đoàn có hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến các hậu quả làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Tập đoàn, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định hiện hành của Tập đoàn.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những vấn đề chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Tập đoàn sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Người thực hiện công bố thông tin, đầu mỗi cung cấp tài liệu công bố thông tin, bộ phận Quan hệ cổ đông và công bố thông tin và nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện Quy chế này và pháp luật hiện hành về công bố thông tin.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Tập đoàn xem xét, quyết định 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tiến Trường